

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/HSST
Ngày : 03/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thụ

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Minh Đức

2/ Bà Lê Thị Minh Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Dương - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2017/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ngụy Duy L; giới tính: nam; sinh năm: 1982 tại Tiền Giang; quốc tịch: Việt Nam; trú quán: chung cư A, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh; tạm trú: phường D, quận E, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ điện tử; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Ngụy Vĩnh H, sinh năm: 1961 và bà: Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1961; vợ: Phan Thanh T, sinh năm 1990; con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 26/8/2015.

2. Họ và tên: Lê Văn T; giới tính: nam; sinh năm: 1989 tại Tp. Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; trú quán: không đăng ký; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông: Lê Văn T1 (chết) và bà: Hà Thị L (chết); tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 26/8/2015.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989, địa chỉ: phường L, quận N, Tp. Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Bá Thân - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trịnh Bá Thân - Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Ngụy Duy L và Lê Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lúc 21 giờ 30 phút ngày 26/8/2015 tại trước nhà số XX đường E, Phường F, quận Tân Bình, Đội cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an quận Tân Bình phát hiện và bắt quả tang Lê Văn T đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trong người nhằm mục đích để bán.

Thu trên tay trái T đang cầm có 01 túi nylon màu trắng đựng một ổ bánh mì, bên trong ổ bánh mì có 01 túi nylon hàn kín có chứa chất tinh thể không màu. Tại Kết luận giám định số 1623/KLGD-H ngày 28/9/2015 Phòng kỹ thuật hình sự PC54 Công an Tp. Hồ Chí Minh cho biết chất tinh thể không màu cân nặng 51,1645 gam có Methamphetamine (MA), tại công văn số 748/PC54-Đ6 ngày 21/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh giải thích tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong trong một bì thư dán kín, bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký xác nhận của Lê Văn T và hình dấu Công an Phường F, quận Tân Bình là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 51,1645 gam, loại Methamphetamine.

Thu trong túi quần lót phía trước của T đang mặc có 01 gói giấy vệ sinh màu trắng bọc 01 gói nylon hàn kín và 20 gói nylon nhỏ hàn kín có chứa chất tinh thể không màu. Tại Kết luận giám định số 1623/KLGD-H ngày 28/9/2015 Phòng kỹ thuật hình sự PC54 Công an Tp. Hồ Chí Minh cho biết chất tinh thể không màu tổng cộng cân nặng 5,0375 gam có Methamphetamine (MA), tại công văn số 748/PC54-Đ6 ngày 21/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh giải thích tinh thể không màu trong 01 gói nylon hàn kín và 20 gói nylon nhỏ là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,0375 gam, loại Methamphetamine.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại phòng thuê 502 khách sạn V số YY đường T, phường X, quận E, không thu giữ gì liên quan đến vụ án.

Qua điều tra, Lê Văn T khai nhận số ma túy thu giữ nêu trên T mua của Nguyễn Duy L, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: chung cư A Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh, có số điện thoại 0908234458 tại trước nhà L, phường D, quận E vào ngày 25/8/2015 với giá 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) nhưng L cho T thiếu tiền. T mang về phòng thuê 502 khách sạn V số YY đường T, phường X, quận E phân gói ma túy ra thành 01 gói nylon lớn và 21 gói nylon nhỏ cất giấu trong khăn giấy vệ sinh. Khoảng 17 giờ ngày 26/8/2015 có người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch) điện thoại hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 30.000.000 đồng, hẹn gặp tại đường XX đường E, Phường F, quận G. Khi T chạy xe đến trước nhà số AA đường E1, Phường F, quận G thì bị bắt giữ như nêu trên.

Ngoài ra T còn khai nhận đã bán cho người phụ nữ tên Ti 05 viên thuốc lắc với giá 1.000.000 đồng tại đường Đ, quận G cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần. T bán ma túy gần được 02 tháng, thu L được khoảng 2.100.000 đồng đến 2.800.000 đồng. Trước đó, T còn mua ma túy của một người bán dạo (không rõ lai lịch) tại Quận I. T chỉ mua ma túy của L được 02 lần.

Tiến hành dẫn giải T đi chỉ điểm nhà của L, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Tân Bình phát hiện bắt giữ Nguyễn Duy L tại trước cửa khách sạn K, Phường H, Quận M.

Thu trong túi áo phía trước bên phải của L đang mặc có một bóp nhỏ vải Jean, đựng 08 túi nylon hàn kín có chứa chất tinh thể màu trắng không màu, 01 ống hút bằng nhựa. Tại Kết luận giám định số 1623/KLGD-H ngày 28/9/2015 Phòng kỹ thuật hình sự PC54 Công an Tp. Hồ Chí Minh cho biết chất tinh thể không màu cân nặng 5,0556 gam có thành phần Methamphetamine (MA); 01 viên nén tròn màu vàng nhạt in hình con chuột có cân nặng: 0,2639 (MDMA); 01 viên nén tròn màu trắng có in chữ T có cân nặng: 0,3320g không tìm thấy thành phần ma túy thường gặp; tại công văn số 748/PC54-Đ6 ngày 21/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh giải thích tinh thể không màu trong 08 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,0556 gam, loại Methamphetamine, 01 viên nén tròn màu trắng có khắc hình chuột túi là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2639 gam, loại MDMA.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L phòng thuê K, Phường H, Quận M và tại nhà ở phường D, quận E, Tp. Hồ Chí Minh, gồm:

- Thu trên bàn ngay đầu giường của L có: 01 hộp giấy màu xanh đựng 01 túi nylon hàn kín chứa chất tinh thể không màu; 13 gói nylon nhỏ; 01 quẹt gas; 01 ống xúc bằng nhựa; 01 bình gas mini; 01 bình hút. Tại Kết luận giám định số 1623/KLGD-H ngày 28/9/2015 Phòng kỹ thuật hình sự PC54 Công an Tp. Hồ Chí Minh cho biết chất tinh thể không màu cân nặng 0,4314 gam có thành phần Methamphetamine (MA); tại công văn số 748/PC54-Đ6 ngày 21/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh giải thích tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong có dấu vân tay, chữ ký tên Nguyễn Duy L và hình dấu Công an Phường H, Quận M gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4314 gam, loại Methamphetamine.

- 50 bịch nylon; 01 cân điện tử; 01 bình hút. Đây là những dụng cụ dùng để sử dụng và để phân ma túy để bán.

Nguyễn Duy L khai nhận: số ma túy thu giữ trong người của Lê Văn T do L mua của một người đàn ông tên T (không rõ lai lịch) bán dạo trên đường tại quận E. L thường mua của Thành 01 gói ma túy với giá 6.500.000 đồng, Thành cho thêm 02 viên thuốc lắc và dụng cụ dùng để phân ma túy. L mang ma túy về nhà hoặc khách sạn phân ra thành các gói nhỏ bán cho các đối tượng nghiện từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng. L bán ma túy cho T 02 lần phù hợp với lời khai của T. Ngày 25/8/2015, T điện thoại cho L hỏi mua 01 gói ma túy với giá 16.000.000 đồng và L đồng ý bán thiếu cho T chưa lấy được tiền thì bị bắt. L bán ma túy từ giữa tháng 8/2015 thu L được khoảng 6.000.000 đồng - 10.000.000 đồng đã tiêu xài hết.

Số ma túy thu giữ trong túi áo của L đang mặc và tại nơi ở của L, tổng cân nặng 5,4870 gam, loại Methamphetamine (MA) và 01 viên nén tròn màu vàng nhạt in hình con chuột có cân nặng: 0,2639 gam, loại MDMA, L tàng trữ dùng để sử dụng,

Đối với tên T người bán ma túy dạo trên đường tại quận E cho L do không xác định được lai lịch địa chỉ, nên không đủ cơ sở để xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Ngụy Duy L và Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng (là tài sản thu giữ của L).
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen; 300.000 đồng (là tài sản thu giữ của T).
- 01 xe máy biển số: 52H9 – 1122 thu giữ của T, qua xác minh biển số này là giả. Xe có biển số thật là 59C1-094.96, số khung: EE-080132072; số máy: F4A5-133272. T khai nhận xe của bạn tên C (không rõ lai lịch) được khoảng 01 tuần để sử dụng. Qua xác minh, người đứng tên chủ sở hữu xe là chị Lê Thị Diễm K, chị K cho biết đã bán xe lại cho anh Nguyễn Văn Đ, có làm giấy tờ công chứng mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Anh Đ cho biết khoảng tháng 5/2015 để xe trong sân nhà nhưng đã bị kẻ gian lấy trộm, do bận việc nên anh Đ không đến Cơ quan Công an trình báo. Công an Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã nhập kho tất cả các vật chứng trên chuyển cho Tòa án xử lý (bút lục 17).

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 16 tháng 3 năm 2016, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Ngụy Duy L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự và hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo T từ 08 năm đến 09 năm tù; bị cáo L đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” từ 08 năm đến 09 năm tù, tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” từ 02 năm đến 03 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L phát biểu: căn cứ vào lời khai của bị cáo L tại phiên tòa thể hiện các bản lấy lời khai, hỏi cung đối với bị cáo là không có cơ sở để buộc tội vì bị cáo bị đánh, ép cung và bị bắt ký không vào một số biên bản khi chưa có nội dung bên trong, kết hợp với lời khai của bị cáo T thể hiện bị cáo T không có mua ma túy của bị cáo L, do đó lời khai của bị cáo L là hoàn toàn khách quan, vì vậy đã có đủ căn cứ chứng minh bị cáo Lợi không phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L không phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, mà bị cáo L chỉ có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo như cáo trạng đã công bố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, lời khai của các bị cáo

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận: nguồn gốc ma túy của bị cáo khi bị bắt mua của một người không rõ lai lịch ở quận 8 với giá 16 triệu đồng, cộng thêm với ma túy của bị cáo có sẵn ở nhà, bị cáo trên đường đem đi bán cho một người tên T thì bị bắt như trên. Bị cáo bán ma túy cho T lần này là lần thứ 2. Bị cáo không có mua ma túy của bị cáo L.

Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn T cơ bản phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn T đã có hành vi cất giấu 56,202 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán kiếm lời, đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam”, ngoài ra bị cáo còn khai nhận trước đó đã bán cho người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch) 05 viên thuốc lắc với giá 1.000.000 đồng tại đường Đ, quận G cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần, nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Phạm tội nhiều lần”, là những tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Ngụy Duy L khai: bị cáo không có bán ma túy cho bị cáo T, việc này đã được bị cáo T xác nhận. Số ma túy thu giữ trong người và trong nhà bị cáo là của bị cáo, bị cáo cất để sử dụng chứ không có bán. Những lời khai trước đây của bị cáo tại công an phường, cơ quan điều tra thừa nhận bán ma túy cho bị cáo T là do bị đánh, ép phải khai là bán ma túy cho bị cáo T, ngoài ra còn có một số bản khai, hỏi cung bị cáo có chữ ký của bị cáo là do Điều tra viên bắt bị cáo ký không vào. Toàn bộ những lời khai bị cáo có bán ma túy cho bị cáo T là không đúng với ý chí của bị cáo.

Bị cáo Ngụy Duy L tuy không thừa nhận có hành vi bán ma túy cho bị cáo T nhưng căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo Lê Văn T, lúc chưa bắt được bị cáo L, đã khai nhận nguồn gốc ma túy thu giữ trong người bị cáo là mua của bị cáo L, lời khai này của bị cáo T được Hội đồng xét xử xác định là có căn cứ khách quan vì tự bị cáo T khai nhận, kết hợp với biên bản thu giữ tang vật, những tài liệu trình sát, lấy lời khai, đoạn video bị cáo L khai nhận hành vi bán ma túy cho bị cáo T, những tài liệu này đã được chuyển hóa thành chứng cứ tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo tại cơ quan điều tra đã thể hiện 56,202 gam ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của bị cáo T là mua của bị cáo L và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Ngụy Duy L đã có hành vi bán 56,202 gam ma túy, loại Methamphetamine cho bị cáo Lê Văn T nhằm mục đích kiếm lời, đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam”, ngoài ra còn có đủ cơ sở chứng minh được - lời khai nhận của bị cáo trong đoạn video thu được - trước đó bị cáo đã bán 01 gói ma túy cho cũng cho bị cáo T với giá 4.000.000 đồng, nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Phạm tội nhiều lần”, là những tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có hành vi cất giấu trái phép 5,4870 gam ma túy, loại Methamphetamine và 0,2639 gam ma túy, loại MDMA nhằm mục đích sử dụng, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Theo cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình thì bị cáo Ngụy Duy L bị truy tố về tội “Tàng trữ trái

phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tương ứng với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù, trong khi khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 01 đến 05 năm tù. Nhận thấy khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có L hơn cho bị cáo L, do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 nhằm có L cho bị cáo L.

Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là rất nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó không chỉ là xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, tạo điều kiện làm gia tăng tệ nạn nghiện hút ma túy trong thanh thiếu niên, mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm. Bản thân các bị cáo đã thành niên, cũng sử dụng ma túy, đủ khả năng nhận thức được tác hại của việc mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy là gieo rắc hiểm họa cho cộng đồng, vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc, nhưng chỉ vì động cơ tham lam, háms lợi, muốn thỏa mãn cơn nghiện mà các bị cáo đã bất chấp tất cả, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự, các cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền bổ sung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đang bị tạm giam, khó có khả năng thi hành nên miễn cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo L thu lợi từ việc bán ma túy được 10.000.000 đồng; bị cáo T thu lợi từ việc bán ma túy được 2.800.000 đồng; đây là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo L nộp lại số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo T nộp lại số tiền 2.800.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng:

- 04 gói niêm phong còn nguyên, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Xuân Sang ghi số 1623/15 (1) (2) (3) (4) (tang vật ma túy còn lại sau giám định) là vật nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy màu đỏ đen có số khung: RLSCF4EE080132072, số máy: F4A5133272. Qua xác minh, chiếc xe trên thuộc sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ có đơn yêu cầu nhận lại xe. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Đ là có cơ sở nên chấp nhận.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo L, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu vàng trắng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo dùng điện thoại vào việc mua bán ma túy nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo T, bị cáo T khai đây là tiền bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 biển số xe 52H9-1122, 01 cân điện tử màu xám bông, 01 hộp màu xanh có chữ SMART bên trong có 01 quạt gas, 01 xúc nhựa màu tím, 01 ống hút nhựa màu xanh, 13 bịch nylon nhỏ, 01 bình gas mini, 01 cây kéo cán bọc vỏ màu hồng, 02 chai nhựa có gắn đầu hút trong đó 01 chai có gắn nỏ thủy tinh, 50 bao nylon là những vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguy Duy L phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo: Nguy Duy L 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2015.

Áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt bị cáo: Lê Văn T 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt quả tang 26/8/2015.

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Nguy Duy L nộp lại số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Văn T nộp lại số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số model: A1428 FCC ID, số imeil: 013428001101524; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng vàng không thấy số model và imeil; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số code: 0592248.

Tịch thu tiêu hủy: 04 gói niêm phong ký hiệu 1623/15 (1), 1623/15 (2), (3), (4) còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Xuân Sang ghi số 1623 và hình dấu của Công an Phường 14, quận Tân Bình (tang vật ma túy

còn lại sau giám định); 01 biển số 52H9-1122; 01 cân điện tử màu xám bông; 01 hộp màu xanh có chữ SMART bên trong có 01 quẹt gas; 01 xúc nhựa màu Tm; 01 ống hút nhựa màu xanh; 13 bịch nylon nhỏ; 01 bình gas mini; 01 cây kéo cán bọc vỏ màu hồng; 02 chai nhựa có gắn đầu hút trong đó 01 chai có gắn nổ thủy tinh; 50 bao nylon.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ 01 xe gắn máy màu đỏ đen có số khung: RLSCF4EE080132072, số máy: F4A5133272.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 300/PNK ngày 08/9/2015 và 22/PNK ngày 15/12/2015 của Công an quận Tân Bình).

Áp dụng Điều 99 của Bộ Luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày Tnh từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Thụ